

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 14/12/2021

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Kim Chuyên**
2. Bà **Trần Thị Hương Giang.**

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Thái Long - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2021/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1998.

Trú tại: khu dân cư T, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1994.

Trú tại: khu dân cư K1, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

Chị P và anh Đ đều có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị P và bị đơn là anh Nguyễn Đức Đ trình bày: Anh chị có quan hệ tình cảm với nhau từ năm 2018 và có con chung với nhau ngày 5/11/2018 nhưng đến ngày 3/9/2019 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố C, tỉnh

Hải Dương. Sau khi kết hôn và tổ chức lễ cưới theo phong tục thì vợ chồng chung sống tại gia đình anh Đ ở phường V, thành phố C. Tuy nhiên chỉ được một thời gian ngắn giữa vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và cách chăm sóc, nuôi dạy con chung. Điều này diễn ra thường xuyên nên vợ chồng hay cãi nhau, cuộc sống rất nặng nề. Từ tháng 6/2020, anh chị đã sống ly thân. Tháng 10/2020 chị P làm đơn xin ly hôn anh Đ nhưng sau đó đã rút đơn về để vợ chồng có thêm thời gian hòa giải mâu thuẫn. Nhưng tháng 11/2020 anh Đ bị bắt tạm giam về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Từ đó đến nay chị P không thăm gặp anh Đ, hai vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Đ. Anh Đ cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị P, không muốn níu kéo gì.

Về con chung: Anh chị có 1 con chung là Nguyễn Đức Tùng L sinh ngày 05/11/2018. Hiện con chung đang ở với chị P. Khi ly hôn, chị P muốn nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng. Anh Đ cũng nhất trí giao con cho chị P nuôi dưỡng vì anh đang bị tạm giam.

Về tài sản chung, nợ chung: anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Vũ Thị H là mẹ đẻ của anh Đ xác định: trong quá trình sinh sống, giữa chị P và anh Đ có mâu thuẫn nhưng đều nhỏ nhặt, chưa đến mức phải ly hôn. Tháng 5/2020 chị P đã cùng con về nhà bố mẹ đẻ ở phường V sinh sống. Hiện nay, anh Đ đang bị tạm giam, cả hai không còn thăm gặp, quan tâm đến nhau. Đến nay anh Đ, chị P đã thống nhất về việc ly hôn thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Anh Đ, chị P có 1 con chung và hiện ở cùng chị P. Tài sản chung, nợ chung của vợ chồng không có gì.

Bà Phùng Thị V là mẹ đẻ của chị P trình bày về quá trình tìm hiểu, chung sống và tổ chức đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như lời khai của anh Đ, chị P. Nếu anh chị đã thống nhất ly hôn thì gia đình bà cũng tôn trọng vì anh chị đã sống ly thân từ lâu. Anh chị có 1 con chung và hiện đang ở cùng chị P và vợ chồng bà. Nếu Tòa án giao con cho chị P nuôi dưỡng thì vợ chồng bà cam kết sẽ hỗ trợ chị P về chỗ ở, chăm sóc, đưa đón cháu L đi học giúp đỡ một phần cho chị P.

Tại phiên tòa, các đương sự đều không có mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm

a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Nguyễn Đức Đ.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Đức Tùng L, sinh ngày 05/11/2018 cho chị Nguyễn Thị P tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị P về việc không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: chị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị P khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Nguyễn Đức Đ có địa chỉ thường trú tại phường Văn Đức, thành phố Chí Linh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị P và anh Đ đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Đức Đ có quan hệ tình cảm từ năm 2018 và sau đó đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/9/2019 tại UBND phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, giữa anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống và nuôi dạy con chung. Từ tháng 6/2020, anh chị đã sống ly thân. Tháng 11/2020, anh Đ bị bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và hiện nay vẫn đang bị tạm giam. Như vậy, quá trình thực tế anh chị chung sống không nhiều. Đến nay không ai còn quan tâm đến cuộc sống chung của nhau. Chị P cũng không có ý định quay về chung sống với anh Đ và xin ly hôn. Anh Đ cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí yêu cầu xin ly hôn của chị P. Như vậy, hôn nhân của anh

chị đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Anh chị có 1 con chung là Nguyễn Đức Tùng L, sinh ngày 05/11/2018. Cháu L ở với chị Phượng từ nhỏ và được đảm bảo đầy đủ về vật chất, tinh thần. Khi ly hôn, chị P có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng. Anh Đ cũng nhất trí với quan điểm này của chị P vì anh đang bị tạm giam tại trại tạm giam. Chị P sống cùng bố, mẹ đẻ nên được bố, mẹ hỗ trợ về việc chăm sóc, nuôi dạy con. Do đó, cần giao cháu L cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Việc chị P không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện nên chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ và chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị P là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị P;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Nguyễn Đức Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Đức Tùng L, sinh ngày 05/11/2018 cho chị Nguyễn Thị P tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị P về việc không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị P đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0002760 ngày 08/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, chị P đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường V, TP C;
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hà